TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2017
V/v tranh chấp "Ly hôn
Tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Xuyên.

Bà Nguyễn Thị Ly.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 237/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2017/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T (N), sinh năm 1988. (Có mặt)

Cư trú: Ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983, luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Văn Ph thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (Có mặt)

Cư trú: Số 477A/24 Quản Cơ Thành, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp B, xã X, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà và ông N sống chung với nhau năm 2007, hôn nhân do hai bên tự tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh An Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 30/5/2007, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cự cải, ông N không quan tâm đến vợ con. Hiện tình cảm không còn, xin được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Thùy A, sinh ngày 30/12/2008. Hiện nay cháu Anh đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Ông Lê Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Luật sư Nguyễn Văn Phúc phát biểu quan điểm tranh luận:

Bà T và ông N có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, ông bà đã ly thân từ năm 2008 đến nay không còn tình cảm nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn.

Cháu Lê Thị Thùy A do bà T nuôi dưỡng từ nhỏ, cuộc sống đã ổn định với bà T, hiện nay bà T cũng có điều kiện nuôi con, nguyện vọng của cháu Anh cũng muốn sống với bà T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử để bà T được tiếp tục nuôi con và buộc ông N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị T và anh N đăng ký kết hôn năm 2007, ly thân năm 2008 đến nay. Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh N và anh N biết được việc chị T xin ly hôn nhưng không có ý kiến phản hồi, không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nên mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, việc chị T yêu cầu ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Thùy A, sinh ngày 30/12/2008, hiện đang sống với chị T. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân, cháu A sống với chị T vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, cháu Anh cũng

có nguyện vọng sống với chị T. Để ổn định cuộc sống cho cháu nghĩ nên để chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy cháu A. Ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Huỳnh Thị T khởi kiện ông Lê Văn N, ông N cư trú ấp B, xã X, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là hợp pháp. Quá trình chung sống do ông, bà bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Ông N không quan tâm đến vợ con, tính tình không phù hợp, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà T và ông N ly thân từ năm 2008 đến nay không còn liên lạc. Tại phiên tòa, bà T xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng 01 con chung tên Lê Thị Thùy A, sinh ngày 30/12/2008. Hiện cháu A đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy N, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay cháu A đã sống ổn định với bà T, cháu A cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Anh, ông N cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà T là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà T yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật đến khi con chung thành niên. Theo quy định pháp luật, khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con, mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương cơ bản do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con chưa thành niên. Do đó, căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

[5]. *Về tài sản chung:* Không có

[6]. *Về nợ chung:* Không có.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T và ông N thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Thị T.

Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Lê Văn N.

[2]. Bà Huỳnh Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung tên Lê Thị Thùy A, sinh ngày 30/12/2008.

[3]. Ông Lê Văn N phải cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung Lê Thị Thùy A mỗi tháng 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi ngàn đồng) đến khi con chung thành niên.

Bà Huỳnh Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Văn N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4]. Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0013933 ngày 18/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ông Lê Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà

có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Bình Phước Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Thẩm phán đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới